

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HS-ST

Ngày 17 - 4 - 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thị Thịnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hạnh và bà Phạm Thị Thuý

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tô Tâm – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 22/2025/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Thị P, sinh ngày 07 tháng 8 năm 1967 tại thành phố H.

Nơi đăng ký thường trú: số 10, Gác 2, đường K, phường TC (nay là phường K), quận L, thành phố H; chỗ ở: số 91, ngõ 350, đường H, phường S, quận H, thành phố H; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ học vấn: 10/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đình H và bà Đoàn Thị V1; có chồng là Phạm Ngọc M; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1984, con nhỏ nhất sinh năm 1995; tiền án: không; tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024; bị tạm giam từ ngày 05/01/2025 (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh), có mặt.

2. Phạm Văn T, sinh ngày 06 tháng 5 năm 1981 tại tỉnh T.

Nơi cư trú: tổ 2, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Q; nghề nghiệp: công nhân Công ty T; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Kinh D và bà Nguyễn Thị H; có vợ là Nguyễn Thị V; có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2014; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: ngày 25/3/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí xử phạt 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/12/2024; bị tạm giam từ ngày 05/01/2025 (hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh - Khu vực giam giữ Miền Tây), có mặt.

- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị V (có mặt), anh Đinh Kiên Đ, anh Nguyễn Tiến Đ1 (đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 27/12/2024, tại khu vực tổ 2, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Q, Công an thành phố Uông Bí tuần tra phát hiện bắt quả tang Phạm Văn T có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ: thu giữ dưới nền đường ngay chỗ T đứng 01 gói giấy bạc màu vàng bên trong có 02 gói giấy nhỏ màu trắng trong mỗi gói đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; ngoài ra còn thu giữ: 01 xe mô tô Honda Airblade, biển kiểm soát 14Y1-223.91; 01 điện thoại di động OPPO, vỏ màu xám, lắp sim số: 0931.517.758 và mẫu nước tiểu của T.

Ngay sau khi bị bắt T khai nhận gói ma túy Công an thu giữ T vừa mua tại nhà của Nguyễn Thị P ở số 91, ngõ 350, đường H, phường S, quận H, thành phố H, với giá 400.000 đồng mục đích để sử dụng.

Căn cứ tài liệu điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiến hành bắt, giữ người trong trường hợp khẩn cấp và khám xét nơi ở đối với Nguyễn Thị P tại số 91, ngõ 350, đường H, phường S, quận H, thành phố H.

Vật chứng thu giữ: thu tại túi quần phía trước bên trái P đang mặc có 06 gói (trong đó có: 03 gói giấy màu trắng và 03 gói giấy bạc màu trắng), bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; tại túi quần bên phải phía trước P đang mặc có số tiền 2.000.000đ. Thu tại mặt bàn trong phòng khách 01 hộp nhựa hình chữ nhật được bọc nilon màu đen, bên trong có: 15 gói giấy màu trắng, 05 gói giấy bóng màu đen, 07 gói giấy bạc, bên trong đều chứa chất bột màu trắng dạng cục; 01 điện thoại di động Nokia màu xanh, bên trong gắn sim số 0934.640.880.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn Thị P và Phạm Văn T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Ngoài ra bị cáo P còn khai: toàn bộ số ma túy Công an thu giữ trên người và nơi ở là của P. Trước đó ngày 26/12/2024, P đến khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn mua của một người phụ nữ không quen biết 3.000.000 đồng được 35 gói ma túy Heroine (trong đó có 20 gói giấy màu trắng, 10 gói giấy bạc màu trắng và 05 gói nilon màu đen) mục đích để bán kiếm lời. Khi về nhà P lấy 05 gói ma túy gói giấy màu trắng và 03 gói ma túy gói giấy bạc màu trắng đút vào túi quần để có ai hỏi mua thì bán luôn, số ma túy còn lại P cho vào một chiếc hộp màu đen để ở phòng khách. Sáng ngày 27/12/2024, P giới thiệu với một số bạn xã hội (không nhớ cụ thể là ai) có ma túy Heroine bán để họ biết muốn sử dụng thì mua hoặc biết ai có nhu cầu thì giới thiệu. P mới lần đầu bán được 02 gói ma túy cho T, đến chiều cùng ngày thì bị Công an đến nhà bắt, khám xét thu giữ toàn bộ ma túy.

Bị cáo Phạm Văn T còn khai: sau khi mua được ma túy của P, T lấy ra một ít sử dụng, số còn lại cất giấu để sử dụng dần; trên đường về thì bị Công an kiểm tra, phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng.

Tại Cáo trạng số 820/CT-VKSUB ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh đã truy tố bị cáo

Nguyễn Thị P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí thực hành quyền công tố và luận tội có quan điểm: vẫn giữ nguyên quan điểm như nội dung Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự:

+ Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị P từ 24 tháng đến 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27 tháng 12 năm 2024).

+ Đề nghị áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn T từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27 tháng 12 năm 2024).

+ Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về vật chứng: đề nghị áp dụng các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 08/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 sim số 0931.517.758; 01 sim số 0934.640.880.

+ Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 400.000 đồng.

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị P số tiền 1.600.000đ.

Các bị cáo Nguyễn Thị P, Phạm Văn T không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Các bị cáo nói lời sau cùng: đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đánh giá về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: trong quá trình điều tra, truy tố, Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá về tội danh của các bị cáo:

Xét thấy: lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp với Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh lập vào hồi 12 giờ 00 phút ngày 27 tháng 12 năm 2024; phù hợp với các Biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, lời khai của người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

* Tại các Bản kết luận giám định số 08/KL-KTHS và số 14/KL-KTHS, ngày 03 tháng 01 năm 2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, kết luận:

- Chất bột màu trắng dạng cục bên trong 02 (hai) gói giấy màu trắng thu giữ của Phạm Văn T ngày 27/12/2024, kết quả giám định là chất ma túy loại: Heroine, tổng khối lượng là: 0,272g (không phải hai bảy hai gam).

- Chất bột màu trắng dạng cục bên trong 27 gói giấy (gồm: 15 gói màu trắng, 07 gói màu bạc và 05 gói màu đen) thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Thị P ngày 27/12/2024, kết quả giám định là chất ma túy loại: Heroine, tổng khối lượng là: 1,475g (một phẩy bốn bảy năm gam).

- Chất bột màu trắng dạng cục bên trong 06 gói giấy (03 gói màu trắng, 03 gói màu bạc) thu giữ trên người Nguyễn Thị P ngày 27/12/2024, kết quả giám định là chất ma túy loại: Heroine, tổng khối lượng là: 0,391g (không phải ba chín một gam).

- Tìm thấy Morphine là sản phẩm chuyển hoá của Heroine trong mẫu nước tiểu gửi giám định của Phạm Văn T.

Như vậy, đã có đủ cơ sở để kết luận: khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/12/2024, tại tổ 2, khu A, phường P, thành phố U, tỉnh Q, Phạm Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,272 gam ma túy loại Heroine, mục đích để sử dụng thì bị Công an thành phố Uông Bí phát hiện bắt quả tang. Số ma túy trên vào khoảng 11 giờ 00 phút cùng ngày T mua của Nguyễn Thị P, tại nơi ở số 91, ngõ 350, đường H, phường S, quận H, thành phố H, với giá 400.000 đồng. Ngoài ra, P còn cất giấu trái phép trên người và nơi ở 1,866 gam ma túy loại Heroine, mục đích để bán.

Các bị cáo Nguyễn Thị P, Phạm Văn T là những người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng ý thức chấp hành pháp luật kém; các bị cáo biết hành vi mua bán và tàng trữ trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện. Hành vi của các bị cáo P, T là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và các chất gây nghiện, làm mất trật tự, an toàn xã hội. Chất ma túy gây nguy hại đến sức khoẻ con người, ma túy cũng là mầm mống phát sinh các loại tệ nạn xã hội và tội phạm khác, tạo nên nhiều bức xúc trong quần chúng nhân dân. Trong những năm qua Đảng, Nhà nước, chính quyền địa P và các tổ chức chính trị, xã hội đã có nhiều chủ trương, biện pháp nhằm đấu tranh, ngăn chặn đối với các tội phạm về ma túy; nhiều cuộc vận động, tuyên truyền về tác hại của ma túy đã được tổ chức; rất nhiều tội phạm về ma túy đã bị pháp luật trừng trị nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại có hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy, do vậy cần phải bị xử lý thật nghiêm

trước pháp luật. Hành vi của bị cáo Nguyễn Thị P đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo Phạm Văn T đã phạm vào tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội danh và hình phạt quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 820/CT-VKSUB ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh và lời buộc tội của Kiểm sát viên thực hành quyền công tố và luận tội tại phiên tòa là có đủ cơ sở, cần được chấp nhận.

[3] Đánh giá về hình phạt:

[3.1] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Thị P, Phạm Văn T không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; nhưng bị cáo Phạm Văn T là người có nhân thân xấu, bị cáo đã từng phải đi chấp hành hình phạt tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học tu dưỡng, rèn luyện bản thân mà lại tiếp tục phạm tội; mặc dù Bản án đó đã được xóa án tích nhưng thể hiện bị cáo là người coi thường kỷ cương, pháp luật. Còn bị cáo Nguyễn Thị P là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhận thức được sai phạm nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra cũng xét, bị cáo P là người hiện có bệnh án về tai biến, từ khi bị bắt, giam giữ thường xuyên phải điều trị tại bệnh xá của Trại tạm giam; có hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng bị cáo là Phạm Ngọc Minh hiện đang chấp hành án tại Trại giam Thanh Lâm (Thanh Hoá) nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với bị cáo P.

[3.2] Về hình phạt chính: xét tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài để chấp hành hình phạt tù mới đủ tác dụng giáo dục riêng các bị cáo và đấu tranh phòng, chống tội phạm về ma túy trong giai đoạn hiện nay.

[3.3] Về hình phạt bổ sung: theo quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 251 của Bộ luật Hình sự, các bị cáo còn phải chịu hình phạt bổ sung, tuy nhiên xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[4] Đánh giá về vật chứng và xử lý vật chứng của vụ án:

- Đối với 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 08/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh, xét thấy là vật có liên quan trực tiếp đến hành vi phạm tội, thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của Nguyễn Thị P; quá trình điều tra đã xác định trong đó có 400.000 đồng là tiền P bán ma túy cho T, số tiền còn lại 1.600.000 đồng là tiền hợp pháp của P; do đó Hội đồng xét xử sẽ tịch thu

sung ngân sách Nhà nước số tiền 400.000 đồng do bị cáo P phạm tội mà có và trả lại cho bị cáo P số tiền 1.600.000 đồng.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (thu giữ của Phạm Văn T) và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (thu giữ của Nguyễn Thị P), xét thấy có liên quan đến hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 sim số 0931.517.758 được gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (thu giữ của Phạm Văn T) và 01 sim số 0934.640.880 được gắn trong điện thoại di động nhãn hiệu Nokia (thu giữ của Nguyễn Thị P), xét thấy có liên quan đến hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Airblade, Biển kiểm soát 14Y1-223.91 thu giữ của Phạm Văn T; quá trình điều tra xác minh chủ sở hữu là của chị Nguyễn Thị V (vợ bị cáo T); chị Vui không biết T sử dụng chiếc xe mô tô trên để đi mua ma túy; Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho chị Vui; chị Vui đã nhận lại xe, không có yêu cầu hay đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] *Đánh giá về các vấn đề khác liên quan đến vụ án:* theo bị cáo Nguyễn Thị P khai, người đã bán ma túy cho P tại khu vực đường tàu Trần Nguyên Hãn do không rõ lai lịch, địa chỉ nên không có căn cứ để xử lý.

[6] *Đánh giá về án phí:* các bị cáo Nguyễn Thị P, Phạm Văn T là người bị kết án nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[7] *Đánh giá về quyền kháng cáo:* các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về căn cứ pháp luật, tội danh và hình phạt:

- *Căn cứ:* khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;
- *Tuyên bố:* bị cáo Nguyễn Thị P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- *Xử phạt:* bị cáo Nguyễn Thị P 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27 tháng 12 năm 2024).

- *Căn cứ:* điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- *Tuyên bố:* bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

- *Xử phạt:* bị cáo Phạm Văn T 15 (mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ (ngày 27 tháng 12 năm 2024).

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ các điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; khoản 1; các điểm a, b, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu và tiêu hủy: 01 (một) phong bì niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định số 08/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Quảng Ninh; 01 (một) sim số 0931.517.758; 01 (một) sim số 0934.640.880.

+ Tịch thu, sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO; 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia và số tiền 400.000đ (bốn trăm nghìn đồng).

+ Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị P số tiền 1.600.000đ (một triệu sáu trăm nghìn đồng).

(tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng số 54 ngày 20/3/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

(tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận tài sản; Phiếu nhập kho được lập cùng ngày 24/02/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Uông Bí và Kho bạc Nhà nước thành phố Uông Bí).

3. *Về án phí*: căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc các bị cáo Nguyễn Thị P, Phạm Văn T, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. *Về quyền kháng cáo*: căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; các bị cáo có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện KSND thành phố Uông Bí;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Quảng Ninh (PC10);
- Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP. Uông Bí;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tô Thị Thịnh